

Số: 82/TB-ĐHKTCN

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO

Về thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2024

Căn cứ quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên thông báo thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2024, cụ thể như sau:

1. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

2. Phương thức tuyển sinh

Nhà trường tuyển sinh theo 03 phương thức:

- Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024.
- Xét tuyển theo kết quả học tập ghi trong học bạ THPT.
- Xét tuyển thẳng thí sinh theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

3. Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến

T T	Ngành (Chuyên ngành)	Mã ngành	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển (mã tổ hợp xét tuyển)	Chỉ tiêu dự kiến	
					Theo điểm thi TN THPT 2024	Theo học bạ THPT
I	Chương trình tiên tiến (đào tạo bằng Tiếng Anh)				30	30
1	Kỹ thuật cơ khí (Chương trình tiên tiến đào tạo bằng tiếng Anh)	7905218	CTT	A00; A01; D01; D07	15	15
2	Kỹ thuật điện (Chương trình tiên tiến đào tạo bằng tiếng Anh)	7905228	DTT	A00; A01; D01; D07	15	15
II	Chương trình đại trà				1340	1345
1	Kỹ thuật cơ khí (Chuyên ngành cơ khí chế tạo máy)	7520103	KTC	A00; A01; D01; D07	100	100
2	Kỹ thuật cơ khí động lực (Chuyên ngành Kỹ thuật cơ khí động lực – đào tạo thiên hướng kỹ thuật ô tô)	7520116	KDO	A00; A01; D01; D07	25	25
3	Công nghệ kỹ thuật ô tô (04 chuyên ngành Công nghệ ô tô; Cơ điện tử ô tô; Công nghệ ô tô điện và ô tô lai; Công nghệ nhiệt lạnh)	7510205	CTO	A00; A01; D01; D07	125	125
4	Kỹ thuật cơ - điện tử (Chuyên ngành Cơ điện tử)	7520114	KCT	A00; A01; D01; D07	125	125
5	Kỹ thuật điện tử - viễn thông (05 chuyên ngành: Hệ thống điện tử	7520207	KVT	A00; A01; D01; D07	45	45

	thông minh và IoT; Kỹ thuật điện tử; Điện tử viễn thông; Quản trị mạng và truyền thông; Truyền thông và mạng máy tính)					
6	Kỹ thuật máy tính (04 chuyên ngành: Công nghệ dữ liệu và trí tuệ nhân tạo; Công nghệ phần mềm; Hệ thống nhúng và IoT; Tin học công nghiệp)	7480106	KMT	A00; A01; D01; D07	50	50
7	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá (02 chuyên ngành: Tự động hóa công nghiệp; Kỹ thuật điều khiển)	7520216	TDH	A00; A01	230	230
8	Kỹ thuật điện (04 chuyên ngành: Hệ thống điện; Thiết bị điện – điện tử; Kỹ thuật điện và công nghệ thông minh; Điện công nghiệp và dân dụng)	7520201	KTD	A00; A01; D01; D07	120	120
9	Kỹ thuật xây dựng (Chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp)	7580201	KXD	A00; A01; D01; D07	20	20
10	Kinh tế công nghiệp (02 chuyên ngành: Kế toán doanh nghiệp công nghiệp; Quản trị doanh nghiệp công nghiệp)	7510604	KCN	A00; A01; D01; D07	25	25
11	Quản lý công nghiệp (02 chuyên ngành: Quản lý công nghiệp; Logistics)	7510601	QLC	A00; A01; D01; D07	45	45
12	Quản lý công nghiệp (Chuyên ngành: Nghiệp vụ ngoại thương - Giảng dạy bằng tiếng Anh)	7510601	QLC_TA	A00; A01; D01; D07	10	15
13	Công nghệ chế tạo máy (Chuyên ngành Công nghệ chế tạo máy)	7510202	CTM	A00; A01; D01; D07	25	25
14	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điện)	7510301	CDT	A00; A01; D01; D07	125	125
15	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (Chuyên ngành CN Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)	7510303	CDK	A00; A01; D01; D07	175	175
16	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Chuyên ngành Công nghệ sản xuất tự động)	7510201	CTC	A00; A01; D01; D07	30	30
17	Kiến trúc (Chuyên ngành Kiến trúc công trình)	7580101	KTS	V00; V01; V02; A01	15	15
18	Kỹ thuật vật liệu (Chuyên ngành Kỹ thuật vật liệu)	7520309	KVL	A00; A01; D01; D07	15	15
19	Kỹ thuật môi trường (02 chuyên	7520320	KTM	A00; B00; D01; D07	20	20

DỤC
RƯ
AI
Y TI
NG
TH

	ngành: Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị; Kỹ thuật môi trường					
20	Ngôn ngữ Anh (Chuyên ngành Tiếng Anh Khoa học kỹ thuật và công nghệ)	7220201	NNA	A00; A01; D01; D07	15	15

4. Hình thức xét tuyển

4.1. Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024

Dựa vào điểm thi của thí sinh trong kỳ thi TN THPT năm 2024, đạt điểm đảm bảo chất lượng đầu vào được Nhà trường xác định và công bố theo quy định của Bộ GD&ĐT. Riêng đối với ngành Kiến trúc, với các tổ hợp có môn thi Vẽ mỹ thuật năm 2024 phải đạt 5 điểm trở lên (theo thang điểm 10).

4.2. Xét tuyển theo kết quả học tập ghi trong học bạ THPT

*. Ngưỡng đảm bảo chất lượng:

- Thí sinh có tổng điểm trung bình cộng các học kỳ của 3 môn trong tổ hợp ĐKXT theo thang điểm 10 đối với từng môn xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (đối tượng, khu vực) và được làm tròn đến hai chữ số thập phân phải đạt từ **18 điểm** trở lên (thang điểm 30).

- Riêng đối với ngành Kiến trúc:

+ Đối với các tổ hợp có môn thi năng khiếu, thí sinh có tổng điểm trung bình cộng các học kỳ của 2 môn và môn thi Vẽ mỹ thuật (nhân hệ số 2) trong tổ hợp đăng ký xét tuyển theo thang điểm 10 đối với từng môn xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (đối tượng, khu vực), được làm tròn đến hai chữ số thập phân phải đạt từ **18 điểm** trở lên (thang điểm 30) và điểm thi môn Vẽ mỹ thuật năm 2024 phải đạt 5 điểm trở lên.

+ Đối với tổ hợp không có môn thi năng khiếu, thí sinh có tổng điểm trung bình cộng các học kỳ của 3 môn trong tổ hợp ĐKXT theo thang điểm 10 đối với từng môn xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (đối tượng, khu vực) và được làm tròn đến hai chữ số thập phân phải đạt từ **18 điểm** trở lên (thang điểm 30).

*. Quy định về điểm xét tuyển:

- **Thí sinh có thể chọn 1 trong 2 phương án đăng ký xét tuyển sau:**

Phương án 1: Điểm trung bình cộng các học kỳ của môn xét tuyển (TBCHK) = (Điểm trung bình học kỳ I lớp 11 + Điểm trung bình học kỳ II lớp 11 + Điểm trung bình học kỳ I lớp 12)/3.

Phương án 2: Điểm trung bình cộng các học kỳ của môn xét tuyển (TBCHK) = (Điểm trung bình học kỳ I lớp 12 + Điểm trung bình học kỳ II lớp 12*2)/3. Trong đó học kỳ II lớp 12 nhân hệ số 2.

- Ngoài khung điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành, Nhà trường quy định khung điểm cộng khuyến khích cho các thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

*. Điểm xét tuyển:

- Đối với các tổ hợp xét tuyển không có môn thi năng khiếu:

Điểm xét tuyển = Điểm TBCHK môn 1 + Điểm TBCHK môn 2 + Điểm môn TBCHK môn 3 + Điểm UT + Điểm KK

- Riêng đối ngành kiến trúc với các tổ hợp xét tuyển có môn thi Vẽ mỹ thuật là môn năng khiếu (môn NK), môn NK được nhân hệ số 2. **Nhà trường lấy kết quả thi môn Vẽ mỹ thuật của trường Đại học Kiến trúc Hà Nội hoặc của trường Đại học Xây dựng Hà Nội.**

$$\text{Điểm xét tuyển} = \frac{\text{Điểm TBCHK môn 1} + \text{Điểm TBCHK môn 2} + \text{Điểm môn NK} \times 2}{4} \times 3 + \text{Điểm UT} + \text{Điểm KK}$$

Trong đó:

+ Điểm UT là điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có) và được tính theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

+ Điểm KK là điểm khuyến khích đối với thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh theo quy định của Trường (*Đề án tuyển sinh năm 2024*).

+ Điểm xét tuyển không vượt quá 30 điểm (bao gồm cả điểm khuyến khích).

4.3. Xét tuyển thẳng: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

5. Thời gian xét tuyển

5.1. Thời gian xét tuyển theo điểm thi TN THPT năm 2024 và tuyển thẳng:

Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

5.2. Thời gian xét tuyển theo học bạ THPT (xét tuyển sớm):

Trước 30/6/2024.

6. Hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển sớm theo học bạ THPT

Thí sinh có thể nộp 1 trong 3 hình thức sau:

+ Nộp hồ sơ online: Thí sinh truy cập địa chỉ website: <http://ts.tnut.edu.vn> và làm theo hướng dẫn.

+ Nộp chuyển phát nhanh qua đường bưu điện theo địa chỉ: Trung tâm tuyển sinh và truyền thông - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp: Số 666, Đường 3/2, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, ĐT: 0208.3847.359.

+ Nộp trực tiếp tại Trung tâm tuyển sinh và truyền thông, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (Showroom – Trung tâm tuyển sinh và truyền thông - Công chính Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp).

Hồ sơ đăng ký xét tuyển theo học bạ THPT gồm:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu lấy tại website: ts.tnut.edu.vn)

+ Bản photo Bằng hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với các thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024, trường hợp chưa có sẽ nộp bổ sung sau).

+ Bản photo Học bạ THPT.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Website;
- Lưu VT; TTTS&TT (H03b).

